

THỪA KẾ QUYỀN TÀI SẢN THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT DÂN SỰ VIỆT NAM

DƯƠNG THỊ XUÂN QUÝ* - DƯƠNG THỊ THÚY**

Tóm tắt: Quyền thừa kế từ lâu đã được công nhận là một trong những quyền cơ bản của cá nhân, thể hiện sự bảo vệ của pháp luật đối với việc chuyển giao tài sản qua các thế hệ, đồng thời phản ánh tính liên tục trong mối quan hệ sở hữu. Trong hệ thống pháp luật dân sự Việt Nam, quyền tài sản (QTS) - với đặc điểm kinh tế nổi bật - giữ vai trò trung tâm trong di sản thừa kế, vừa là đối tượng được kế thừa, vừa trở thành nguyên nhân phát sinh các tranh chấp pháp lý phức tạp. Bộ luật Dân sự (BLDS) năm 2015 đã thiết lập một khung pháp lý nền tảng nhằm điều chỉnh việc xác lập, thực thi và bảo vệ quyền thừa kế đối với QTS.

Từ khóa: Quyền thừa kế; quyền tài sản; thừa kế đối với quyền tài sản

Ngày nhận bài: 08/5/2025; Biên tập xong: 15/9/2025; Duyệt đăng: 22/9/2025

THE INHERITANCE OF PROPERTY RIGHTS UNDER THE VIETNAMESE CIVIL LAW

Abstract: The right of inheritance has long been recognized as one of the fundamental individual rights, reflecting the legal protection of asset transfer across generations and the continuity of ownership relationships. In the Vietnamese civil law system, property rights - with their prominent economic characteristics - play a central role in inheritance, serving both as the object of succession and as a source of complex legal disputes. The 2015 Civil Code has established a foundational legal framework to regulate the establishment, exercise and protection of inheritance rights concerning property rights.

Keywords: Right of inheritance; property rights; the inheritance of property right

Received: May 08, 2025; **Editing completed:** Sep 15, 2025; **Accepted for publication:** Sep 22, 2025

Đặt vấn đề

Thừa kế là một chế định pháp lý lâu đời và quan trọng trong pháp luật dân sự, nó thể hiện mối liên hệ giữa cá nhân và tài sản trong mối quan hệ với gia đình và xã hội. Trong quá trình phát triển của xã hội, cùng với sự gia tăng giá trị tài sản và sự phức tạp của các quan hệ dân sự, vấn đề thừa kế - đặc biệt là thừa kế QTS - ngày càng đặt ra nhiều vấn đề pháp lý cần được quan tâm. Việc nghiên cứu thừa kế QTS không chỉ giúp hiểu rõ cơ chế chuyển giao tài sản sau khi cá nhân qua đời, mà còn góp phần xây dựng một hệ thống pháp luật dân sự công bằng, nhân đạo và ổn định. Trong phạm vi bài viết, tác giả làm rõ một số vấn đề pháp lý và hạn chế, vướng mắc liên quan đến quy định về thừa kế QTS trong BLDS năm 2015, từ đó đề xuất một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực này.

1. Khái quát về thừa kế quyền tài sản trong pháp luật dân sự hiện hành

1.1. Quyền tài sản

Theo Điều 105 BLDS năm 2015, tài sản bao gồm vật, tiền, giấy tờ có giá và QTS. Trong đó, QTS được hiểu là quyền có thể định lượng được bằng tiền, phát sinh từ quan hệ pháp luật giữa các chủ thể. Điều 115 BLDS

năm 2015 quy định: QTS là quyền trị giá được bằng tiền, bao gồm QTS đối với đối tượng quyền sở hữu trí tuệ (SHTT), quyền sử dụng đất và các QTS khác¹. Đối với QTS là đối tượng của giao dịch dân sự phải đáp ứng được hai yêu cầu là trị giá được bằng tiền và có thể chuyển giao cho người khác trong giao dịch dân sự. BLDS năm 2015 quy định theo hướng liệt kê một số QTS đã góp phần xác định chính xác những quyền nào được coi là QTS, đồng thời hạn chế sự nhầm lẫn với các quyền nhân thân gắn liền với tài sản, khắc phục phần nào hạn chế trong việc phân định chưa thật rõ ràng giữa quyền nhân thân và QTS như trong BLDS trước đây. QTS có một số đặc trưng: Đó là một loại tài sản vô hình không tồn tại dưới dạng vật chất cụ thể; QTS chỉ thể hiện thông qua khả năng mang lại lợi ích vật chất hoặc tinh thần; QTS luôn gắn với lợi ích có thể tính toán bằng tiền (ví dụ: Quyền đòi nợ, quyền sử dụng đất, quyền tác giả về mặt tài sản); Phần lớn QTS có thể định đoạt, chuyển nhượng, thừa kế,

* Email: Quydtx@tnus.edu.vn

Thạc sĩ, Khoa Luật - Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên

** Email: Duongthanhthuy1010@gmail.com

Thạc sĩ, Khoa Luật - Trường Đại học Trung Vương

¹ Điều 105, Điều 115 BLDS năm 2015.

tặng cho. Có thể phân chia QTS thành hai loại: Quyền đối vật và quyền đối nhân. Quyền đối vật là quyền của chủ thể được tác động trực tiếp vào vật để thỏa mãn nhu cầu của mình như quyền sở hữu, quyền cầm cố, quyền thế chấp, quyền hưởng hoa lợi...; còn quyền đối nhân là quyền của chủ thể này đối với chủ thể khác. Ví dụ quyền yêu cầu trả nợ, giao “vật”...

1.2. Thừa kế quyền tài sản

Thừa kế là một chế định trong pháp luật dân sự Việt Nam, bao gồm tổng hợp các quy phạm pháp luật điều chỉnh việc dịch chuyển tài sản của người chết cho những người còn sống. Xét về bản chất, thừa kế là một quan hệ pháp luật dân sự đặc thù, trong đó:

- Người để lại di sản có quyền định đoạt tài sản của mình cho người khác (thông qua di chúc hoặc theo quy định của pháp luật).

- Người thừa kế có quyền nhận hoặc từ chối nhận di sản, trừ những trường hợp pháp luật buộc người thừa kế phải nhận để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ cho những người thứ ba như: Nghĩa vụ trả nợ, nghĩa vụ bồi thường thiệt hại, nghĩa vụ nộp thuế, nghĩa vụ cấp dưỡng,...

Thừa kế QTS được đặt ra khi di sản thừa kế là QTS thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp của người đã chết để lại. Nói cách khác, thay vì chỉ thừa kế di sản là các tài sản hữu hình (tiền, nhà, xe, vàng...), người thừa kế còn được hưởng các quyền trị giá được bằng tiền mà người chết để lại trước khi qua đời. Ví dụ, một nhạc sĩ đã qua đời nhưng các bài hát của ca nhạc sĩ đó vẫn tiếp tục được phát sóng, biểu diễn thì người thừa kế của cố nhạc sĩ vẫn được hưởng thừa kế QTS đối với tác phẩm. Theo Luật SHTT, quyền nhân thân của một tác giả khi qua đời (trừ quyền công bố tác phẩm) sẽ chấm dứt, nhưng các QTS đối với tác phẩm vẫn tiếp tục được bảo hộ trong thời hạn luật định. Do đó, nếu các bài hát của nhạc sĩ vẫn được phát sóng, biểu diễn hay sao chép thì người thừa kế hợp pháp của nhạc sĩ có quyền nhận các khoản nhuận bút, thù lao và các lợi ích vật chất khác.

Có thể nói, thừa kế QTS là việc chuyển giao các QTS của người đã chết cho người thừa kế theo pháp luật hoặc theo di chúc. Đây là một hình thức dịch chuyển tài sản mang tính đặc thù, bởi đối tượng thừa kế không chỉ là vật chất hữu hình, mà còn bao gồm những quyền pháp lý trừu tượng, có thể tồn tại độc lập với vật (ví dụ: Quyền sử dụng đất, quyền tác giả đối với tác phẩm, quyền đòi nợ).

1.3. Ý nghĩa, vai trò của thừa kế quyền tài sản

Thừa kế QTS có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo đảm sự lưu thông, kế thừa và ổn định các quan hệ tài sản trong xã hội, đồng thời bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cả người để lại di sản lẫn người thừa kế. Đây không chỉ là sự dịch chuyển lợi ích kinh tế mà còn góp phần duy trì sự gắn bó huyết thống, trách nhiệm gia đình và bảo đảm sự phát triển liên tục của tài sản, đặc biệt là các quyền sử dụng đất, quyền SHTT hay quyền đòi nợ. Về phương diện pháp lý, thừa kế QTS là sự cụ thể hóa quyền sở hữu, nhất là quyền định đoạt, cho phép chủ sở hữu quyết định số phận tài sản của mình ngay cả sau khi chết. Nhờ đó, cơ chế thừa kế vừa bảo đảm tính hợp pháp, ổn định của sự chuyển dịch quyền sở hữu, vừa dung hòa lợi ích cá nhân với lợi ích gia đình và xã hội, khẳng định sự kế thừa liên tục và bền vững của quyền sở hữu qua các thế hệ. Ví dụ, một nhà văn nổi tiếng qua đời để lại nhiều tác phẩm đã xuất bản và chưa xuất bản. Quyền nhân thân của ông như quyền đứng tên tác giả, quyền được nêu tên khi tác phẩm công bố... không thể chuyển giao cho người thừa kế. Tuy nhiên, các QTS gắn liền với tác phẩm như quyền khai thác, quyền in ấn, phát hành... sẽ được chuyển cho những người thừa kế của ông theo di chúc hoặc theo pháp luật.

2. Điều kiện và vai trò của quyền tài sản trong quan hệ thừa kế

2.1. Điều kiện quyền tài sản trong quan hệ thừa kế

QTS là một loại quyền dân sự quan trọng và cũng là đối tượng phổ biến trong các quan hệ thừa kế. Tuy nhiên, để QTS có thể trở thành di sản thừa kế, pháp luật đặt ra những điều kiện nhất định nhằm bảo đảm tính hợp pháp, ổn định và công bằng trong việc dịch chuyển quyền sở hữu từ người đã chết sang cho người thừa kế.

Trước hết, QTS muốn trở thành đối tượng của thừa kế phải gắn liền với lợi ích vật chất và có thể định lượng bằng tiền. Đây chính là cơ sở pháp lý và thực tiễn để xác định giá trị kinh tế rõ ràng của QTS và bảo đảm khả năng chuyển giao cho người thừa kế. Ví dụ: Anh A trước khi chết có quyền đòi nợ anh B số tiền 300 triệu đồng từ hợp đồng vay tiền. Sau khi anh A chết, quyền đòi nợ trở thành di sản và người thừa kế của A có quyền tiếp tục đòi nợ với tư cách là người được kế thừa quyền. Trong trường hợp này, cái chết của người có quyền không làm mất đi nghĩa vụ trả nợ của

bên vay, mà chỉ làm thay đổi chủ thể có quyền đòi nợ.

Một điều kiện khác là QTS phải có tính chất chuyển dịch, tức là có khả năng dịch chuyển từ người chết sang người thừa kế (còn sống) thông qua di chúc hoặc theo quy định của pháp luật. Sự chuyển dịch này không làm thay đổi bản chất của quyền mà chỉ thay đổi chủ thể nắm giữ. Cũng từ ví dụ trên, có thể thấy bản chất của vấn đề là anh B phải trả cho anh A số tiền 300 triệu đồng từ hợp đồng vay tiền, khi anh A chết không làm mất đi nghĩa vụ trả nợ của anh B mà nó chỉ chuyển dịch quyền đòi nợ của anh A sang cho người thừa kế hợp pháp của anh A.

Đồng thời, QTS đó phải còn tồn tại hợp pháp tại thời điểm mở thừa kế: Theo quy định tại Điều 611 BLDS năm 2015, đây là thời điểm người để lại di sản chết. Nếu tại thời điểm đó, quyền đã chấm dứt hoặc hết hiệu lực, nó sẽ không còn giá trị pháp lý để trở thành đối tượng thừa kế. Đặc biệt, QTS để lại thừa kế có thể bị ràng buộc bởi nghĩa vụ tài sản chưa được thực hiện của người đã chết; trong trường hợp này, người thừa kế chỉ được hưởng di sản sau khi đã thực hiện nghĩa vụ tài chính trong phạm vi khối di sản mà họ nhận được. Ví dụ, quyền khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng sẽ không còn giá trị nếu nó hết thời hiệu khởi kiện trước thời điểm người có quyền yêu cầu chết. Khi đó, người thừa kế sẽ không còn quyền yêu cầu tiếp.

Về cơ bản, khi đáp ứng các điều kiện trên, QTS sẽ trở thành di sản thừa kế. Rõ ràng, QTS và quyền nhân thân gắn với tài sản là những quyền độc lập, phạm vi bài viết cũng chỉ giới hạn ở thừa kế QTS. Tuy nhiên, cũng cần phân tích thêm về thừa kế trong lĩnh vực SHTT, bởi thực tế vẫn có sự nhầm lẫn giữa QTS và quyền nhân thân gắn với tài sản trong lĩnh vực SHTT vì vẫn có ngoại lệ về quyền nhân thân gắn với tài sản được thừa kế. Có thể phân biệt một cách khái quát, quyền nhân thân gắn với tài sản, về bản chất gắn liền với cá nhân, mang tính cá nhân và có thể tạo ra lợi ích kinh tế gián tiếp. Còn QTS có thể hiểu là phần “kinh tế” rõ ràng nhất, có thể chuyển nhượng, cho thuê, khai thác để thu lợi. Luật SHTT quy định trường hợp ngoại lệ là quyền công bố tác phẩm (thuộc nhóm quyền nhân thân gắn với tài sản) được thừa kế. Điều 40 Luật SHTT cho phép người thừa kế được thừa kế quyền công bố tác phẩm. Đây là quyền quyết định thời điểm, hình thức và phạm vi đưa tác phẩm ra

công chúng - thể hiện ý chí sáng tạo của tác giả nên mang tính nhân thân. Tuy nhiên, việc công bố lại là điều kiện để khai thác kinh tế (xuất bản, biểu diễn, truyền đạt, sao chép...). Vì vậy, quyền này gắn liền với QTS của chủ sở hữu quyền tác giả, không ảnh hưởng trực tiếp đến danh dự hoặc nhân phẩm của tác giả nên người thừa kế được quyền thừa kế quyền này. Đây là một trong những quyền nhân thân gắn với tài sản được thừa kế. Ngoài ra, cũng cần lưu ý rằng, phụ thuộc vào tính chất pháp lý cụ thể của từng QTS cũng như QTS được thừa kế. Ví dụ, quyền sử dụng đất - một QTS điển hình - khi được thừa kế phải tuân theo các điều kiện, trình tự thủ tục theo quy định của Luật Đất đai.

Khi nghiên cứu pháp luật quốc tế, nhìn chung, nguyên tắc loại trừ các quyền nhân thân tách khỏi di sản thừa kế cũng được công nhận rộng rãi, công nhận QTS là di sản thừa kế. Chẳng hạn, theo quy định tại Điều 1922 BLDS Đức (Bürgerliches Gesetzbuch - BGB), di sản chỉ bao gồm các QTS có khả năng chuyển giao, trong khi các quyền gắn liền với nhân thân, như quyền hưởng lương hưu cá nhân hoặc quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại về tinh thần, không được xem là đối tượng thừa kế. Tương tự, luật thừa kế Vương quốc Anh cũng phân biệt rõ giữa các QTS có thể chuyển giao và các quyền nhân thân không thể thừa kế, như quyền hưởng trợ cấp phúc lợi xã hội². Sự tương đồng này cho thấy việc giới hạn QTS trong thừa kế không chỉ là đặc thù của pháp luật Việt Nam mà còn phản ánh một nguyên tắc chung nhằm bảo vệ các quyền nhân thân.

2.2. Vai trò của các điều kiện quyền tài sản trong quan hệ thừa kế

Trước hết, yêu cầu QTS phải tồn tại hợp pháp tại thời điểm mở thừa kế và có khả năng chuyển giao là một điều kiện quan trọng nhằm bảo vệ tính minh bạch và rõ ràng của di sản. Quy định này không chỉ giúp loại bỏ những QTS không có căn cứ pháp lý hoặc không thể thực thi mà còn góp phần ngăn ngừa các tranh chấp tiềm ẩn giữa các bên thừa kế. Ví dụ, người sở hữu tài sản không có giấy tờ chứng minh hợp lệ thì QTS trong trường hợp này không được pháp luật công nhận, do đó nó sẽ không thể trở thành đối tượng của thừa kế.

² Smith, John, “Valuation Challenges in Modern Inheritance Law”, *Oxford Journal of Legal Studies*, 2019.

Bên cạnh đó, việc pháp luật loại trừ hầu hết các quyền nhân thân ra khỏi phạm vi di sản thừa kế phản ánh sự tôn trọng đối với cá nhân và không thể chuyển của các quyền này. Quyền nhân thân - quyền đứng tên tác giả một tác phẩm hoặc quyền được tôn trọng danh dự, vốn gắn liền với cá nhân người để lại di sản và không thể tách rời khỏi bản thân họ. Việc không cho phép các quyền này trở thành đối tượng thừa kế giúp bảo vệ giá trị tinh thần của chúng; đồng thời ngăn chặn nguy cơ thương mại hóa hoặc chuyển giao trái với quy định pháp luật. Điều này phù hợp với nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự Việt Nam, được quy định tại Điều 3 BLDS năm 2015, nhấn mạnh sự bảo vệ quyền dân sự không trái với đạo đức xã hội.

Tuy nhiên, trong thực tiễn áp dụng, các điều kiện này không phải lúc nào cũng dễ dàng thực thi, đặc biệt khi QTS có sự giao thoa với quyền nhân thân, tạo ra những tình huống pháp lý phức tạp. Ví dụ, quyền tác giả đối với các tác phẩm nghệ thuật hoặc quyền sở hữu công nghiệp - là cơ sở tạo ra giá trị kinh tế (như tiền bản quyền) có thể được thừa kế, nhưng giá trị tinh thần (như quyền đứng tên tác giả) lại không thể chuyển giao. Sự đan xen này thường dẫn đến những khó khăn trong việc xác định ranh giới giữa hai loại quyền. Có thể thấy, các điều kiện và giới hạn QTS trong quan hệ thừa kế không chỉ là công cụ pháp lý để điều chỉnh việc phân chia di sản mà còn thể hiện sự cân bằng giữa bảo vệ quyền lợi kinh tế và tôn trọng các giá trị nhân thân.

3. Căn cứ xác lập quyền thừa kế quyền tài sản

3.1. Thừa kế theo di chúc

Di chúc là phương thức phổ biến để cá nhân định đoạt tài sản của mình sau khi chết. Theo Điều 624 BLDS năm 2015, cá nhân có quyền lập di chúc để định đoạt tài sản, trong đó bao gồm QTS. Điều kiện để di chúc có hiệu lực pháp luật được quy định từ Điều 630 đến Điều 635 BLDS năm 2015, trong đó nhấn mạnh đến tính tự nguyện, minh bạch và hợp pháp của nội dung di chúc. Ví dụ: Ông A lập di chúc để lại quyền đòi khoản nợ 500 triệu đồng cho con gái. Nếu di chúc hợp pháp thì sau khi ông A chết, con gái ông A có quyền yêu cầu bên nợ thanh toán khoản tiền đó. Tuy nhiên, pháp luật cũng đặt ra giới hạn đối với quyền định đoạt tài sản trong di chúc để bảo đảm quyền thừa kế không phụ thuộc vào nội

dung di chúc của một số chủ thể đặc biệt theo quy định tại Điều 644 BLDS năm 2015.

3.2. Thừa kế theo pháp luật

Theo Điều 650 BLDS năm 2015, trong trường hợp người chết không để lại di chúc, hoặc di chúc bị tuyên vô hiệu, hoặc chỉ định đoạt một phần di sản,... thì di sản sẽ được phân chia theo pháp luật. Việc phân chia này được thực hiện theo thứ tự các hàng thừa kế, bảo đảm nguyên tắc bình đẳng giữa những người cùng hàng thừa kế, trừ những trường hợp đặc thù mà pháp luật có quy định, điển hình như chế định thừa kế thế vị tại Điều 652 BLDS năm 2015. Mặt khác, pháp luật cũng quy định người thừa kế chỉ được hưởng QTS trong phạm vi phần di sản còn lại sau khi đã hoàn tất việc thanh toán nghĩa vụ tài sản của người chết (Điều 615 BLDS năm 2015). Ví dụ: Ông B và bà C là vợ chồng, có 03 người con chung. Tài sản chung của vợ chồng là quyền sử dụng đất diện tích 120 m². Khi bà C qua đời mà không để lại di chúc thì theo Điều 651 BLDS năm 2015, hàng thừa kế thứ nhất của bà C bao gồm ông B (chồng) và 03 người con. Do đó, mỗi người thuộc hàng thừa kế thứ nhất sẽ được hưởng phần di sản bằng nhau từ quyền sử dụng đất diện tích 120 m² mà bà C để lại, sau khi đã thực hiện xong việc thanh toán nghĩa vụ tài sản (nếu có).

3.3. Thừa kế thế vị và thỏa thuận chia thừa kế

Thứ nhất, thừa kế thế vị là một cơ chế đặc biệt trong pháp luật thừa kế, được quy định tại Điều 652 BLDS năm 2015, nhằm đảm bảo quyền lợi của con cháu khi người thừa kế chính chết trước hoặc cùng thời điểm với người để lại di sản. Theo đó, con của người thừa kế đã chết sẽ thế vị để hưởng phần di sản mà người đó lẽ ra được hưởng nếu còn sống. Ví dụ: Ông D có hai người con là E và F. Người con E (có hai người con là G và H) đã chết trước ông D. Khi ông D chết không để lại di chúc, G và H sẽ được thừa kế thế vị phần di sản mà E lẽ ra được hưởng, và hai người cháu sẽ chia đều phần đó. Người thừa kế thế vị được hưởng phần di sản trên cơ sở ngang bằng nhau và đúng theo phần mà người được thừa kế ban đầu có quyền hưởng.

Thứ hai, thỏa thuận chia thừa kế. Ngoài thừa thế theo di chúc và theo pháp luật, pháp luật dân sự còn ghi nhận quyền của những người thừa kế được thỏa thuận về việc phân chia di sản. Thỏa thuận này có thể xác lập quyền thừa kế đối với QTS theo nội dung mà

các bên thống nhất, kể cả việc chuyển nhượng, hoán đổi hoặc phân chia hiện vật. Việc cho phép thỏa thuận chia thừa kế thể hiện sự linh hoạt trong việc xác lập quyền sở hữu QTS, đồng thời hạn chế tranh chấp phát sinh giữa các đồng thừa kế.

Có thể nói, căn cứ xác lập quyền thừa kế QTS trong pháp luật dân sự Việt Nam đã bảo đảm sự chuyển giao tài sản từ người chết sang người còn sống được thực hiện hợp pháp, phù hợp với ý chí của người để lại di sản hoặc quy định của pháp luật.

3.4. So sánh với pháp luật nước ngoài

So với pháp luật một số quốc gia khác, quy định về căn cứ xác lập quyền thừa kế QTS ở Việt Nam vừa có nét tương đồng, vừa có điểm khác biệt. Trong pháp luật dân sự Đức, di chúc cũng được coi là phương thức chủ yếu để cá nhân định đoạt tài sản sau khi chết, song hệ thống này duy trì “quyền thừa kế bắt buộc” (Pflichtteil), bảo đảm cho người thân thích gần gũi được hưởng một phần di sản nhất định, tương tự quy định về “người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung di chúc” của BLDS Việt Nam. Trong khi đó, hệ thống Common Law (Anh, Mỹ) lại coi trọng quyền tự do lập di chúc ở mức cao hơn; di sản thường được phân chia theo di chúc, còn thừa kế theo pháp luật (intestacy) chỉ áp dụng khi không có di chúc hoặc di chúc vô hiệu. Như vậy, có thể thấy pháp luật Việt Nam nằm ở vị trí trung gian: Vừa bảo đảm quyền tự do định đoạt của cá nhân, vừa cân bằng lợi ích gia đình - xã hội thông qua quy định về thừa kế theo pháp luật, thừa kế thế vị và thừa kế không phụ thuộc vào nội dung di chúc.

4. Một số khó khăn, vướng mắc và kiến nghị hoàn thiện

4.1. Khó khăn, vướng mắc

Thứ nhất, hiện nay pháp luật dân sự chưa phân định rõ QTS nào được thừa kế và không được thừa kế. Điều 609 BLDS năm 2015 quy định: Cá nhân có quyền để lại tài sản của mình cho người khác theo di chúc hoặc theo pháp luật và di sản thừa kế được xác định là tài sản riêng của người chết hoặc tài sản chung với người khác. Theo đó, BLDS năm 2015 không quy định liệt kê những tài sản nào được thừa kế mà chỉ xác định nguyên tắc chung là “tài sản”. Tại Điều 115 BLDS đã quy định liệt kê một số loại QTS, đây là điểm mới của BLDS năm 2015 khắc phục phần nào những hạn chế trước đây. Tuy nhiên, Bộ luật này vẫn còn quy định theo hướng mở về QTS “các QTS khác trị

giá được bằng tiền”. Chính quy định hướng mở này cũng lại gây ra khó khăn cho các quy định dẫn chiếu, cụ thể là pháp luật về thừa kế QTS. Đơn cử, quyền phát sinh từ hợp đồng thuê nhà, quyền được bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, quyền khai thác dữ liệu điện tử... các quyền này có giá trị kinh tế nhưng có được xem là QTS không thì lại chưa được văn bản nào khẳng định chắc chắn là di sản. Hoặc một số quyền như quyền hưởng trợ cấp, tiền bảo hiểm thì tùy loại mà có thể hoặc không thể thừa kế (ví dụ như tiền bảo hiểm nhân thọ thường có thể để lại cho người thân thụ hưởng); QTS từ hợp đồng (ví dụ như quyền đòi nợ) có thể được thừa kế, trừ khi hợp đồng có quy định khác. Việc pháp luật dân sự không xác định rõ QTS nào được thừa kế, QTS nào không được thừa kế dẫn đến khó khăn cho việc xác định di sản thừa kế của cả người thừa kế và cả cơ quan có thẩm quyền khi xác định phạm vi di sản. Cụ thể, một số QTS tưởng như có thể để lại thừa thế như quyền thuê nhà, quyền đòi bồi thường tổn thất tinh thần nhưng các quyền này lại gắn với nhân thân và không thể thừa kế. Tuy nhiên, trong trường hợp hợp đồng thuê nhà có kèm quyền được mua hóa giá nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước, quyền thuê gắn với khả năng phát sinh lợi ích kinh tế (quyền mua, hóa giá nhà Nhà nước) - đây được coi là một loại tài sản (QTS) và được công nhận nó thuộc khối di sản được thừa kế.

Thứ hai, QTS liên quan đến tài sản số (ví dụ: Ví điện tử, tài khoản mạng xã hội có giá trị thương mại). Mới đây, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP ngày 09/9/2025 về việc triển khai thí điểm thị trường tài sản mã hoá tại Việt Nam, thuật ngữ tài sản số đã được định nghĩa tại khoản 1 và khoản 2 Điều 3: “Tài sản số là tài sản theo quy định của BLDS, được thể hiện dưới dạng dữ liệu số, được tạo lập, phát hành, lưu trữ, chuyển giao và xác thực bởi công nghệ số trên môi trường điện tử”. Tài sản số nói chung tuy đã tồn tại ở thị trường Việt Nam từ lâu, cũng có trường hợp mua bán giao dịch tài sản số trên môi trường điện tử nhưng cơ chế quản lý loại tài sản này còn chưa chặt chẽ. Vậy liệu một người chết để lại tài sản số có giá trị rất lớn thì có được xem là di sản thừa kế không? Nếu có tranh chấp pháp lý thì cơ chế giải quyết tranh chấp và pháp luật áp dụng ra sao khi BLDS năm 2015 chưa đề cập đến khái niệm tài sản số và cũng chưa quy định rõ về QTS đối với tài sản số. Mặc dù một số lĩnh vực có quy định gián tiếp

như Luật Giao dịch điện tử năm 2023 nhưng mới đề cập tới giá trị pháp lý của dữ liệu điện tử, tài sản số mà không quy định cụ thể từng loại tài sản số (ví dụ: Tiền mã hóa, NFT); hay Luật SHTT có đề cập bản quyền đối với tác phẩm điện tử nhưng chỉ điều chỉnh quyền tác giả, không điều chỉnh quyền sở hữu đối với bản thân tài sản số đó. Điều này gây khó khăn trong việc xác định di sản thừa kế như: Không rõ cơ chế thừa kế tài sản số (ví dụ như ai sẽ thừa kế tài khoản Facebook hay Bitcoin của người đã chết)... Một nghiên cứu quốc tế của tác giả Robert D. Cooter và Thomas Ulen cũng chỉ ra rằng, trong các hệ thống pháp luật dân sự, việc xác định tài sản thừa kế không cố định là nguyên nhân chính dẫn đến tranh chấp kéo dài³.

Thứ ba, một số quyền SHTT thuộc quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp (sáng chế, nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp...) tuy có những yếu tố gắn với cá nhân tác giả hoặc chủ thể sáng tạo, nhưng đồng thời mang giá trị tài sản và được pháp luật công nhận là một loại QTS theo Điều 115 và Điều 105 BLDS năm 2015. Do đó, phần quyền nhân thân gắn với tài sản trong quyền SHTT có thể trở thành di sản thừa kế khi chủ thể chết. Mặc dù vậy, việc phân định giữa quyền nhân thân gắn với tài sản và QTS trong các quyền SHTT vẫn còn nhiều khó khăn trong thực tiễn áp dụng. Do các quy định về quyền thừa kế đối với quyền SHTT hiện hành còn chưa có quy trình thừa kế đồng nhất khi nhận thừa kế quyền tác giả, chuyển nhượng quyền đối với sáng chế hay chuyển nhượng quyền sử dụng nhãn hiệu khi chủ sở hữu qua đời, hoặc chưa có quy định cụ thể về thừa kế quyền SHTT trong trường hợp đồng sở hữu - khi có nhiều người đồng sở hữu một quyền SHTT (đồng sáng tác).

Thứ tư, việc thừa kế quyền phát sinh từ hợp đồng, đặc biệt là quyền sử dụng đất đang bị thế chấp; quyền thừa kế tài sản phát sinh từ hợp đồng (quyền đòi nợ; quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại). Pháp luật hiện hành chưa có hướng dẫn chi tiết về việc xử lý các QTS đặc thù này như việc thực hiện các thủ tục pháp lý để giải chấp, sang tên, và thực hiện nghĩa vụ tài chính phát sinh từ hợp đồng. Điều này cũng dẫn đến sự không thống nhất trong cách áp dụng pháp luật giữa các cơ quan tài phán khi có tranh chấp xảy ra. Trên bình diện quốc tế, hệ thống pháp luật Pháp

đã có những quy định cụ thể về việc xử lý tài sản thế chấp trong thừa kế, điều mà Việt Nam có thể tham khảo để hoàn thiện⁴. Cụ thể: Quy định rõ hơn quyền lựa chọn của người thừa kế; đảm bảo quyền ưu tiên thanh toán cho chủ nợ có bảo đảm trên tài sản thế chấp, dù tài sản đó đã chuyển cho người thừa kế; đồng thời quy định nghĩa vụ thông báo cho các chủ nợ khi mở thừa kế đối với tài sản đang bị thế chấp nhằm bảo đảm quyền lợi các bên liên quan.

4.2. Kiến nghị và hướng hoàn thiện pháp luật

Để bảo đảm quyền thừa kế QTS được thực hiện đầy đủ và hiệu quả, nhóm tác giả đề xuất một số kiến nghị như sau:

Thứ nhất, xem xét sửa đổi, bổ sung Điều 115 BLDS năm 2015 theo hướng quy định cụ thể hơn phạm vi “các QTS khác”. Nhóm tác giả gợi mở bổ sung thêm 03 nhóm:

(i) Nhóm QTS phát sinh từ hợp đồng: Quyền đòi nợ, quyền hưởng lợi ích kinh tế từ hợp đồng thuê, quyền nhận lợi tức từ hợp đồng góp vốn...

(ii) Nhóm QTS gắn với tài sản số/phi vật chất: Tài khoản ngân hàng, tài khoản giao dịch điện tử, dữ liệu điện tử có giá trị thương mại, tài sản ảo (cryptocurrency, NFT).

(iii) Nhóm QTS phát sinh từ bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng: Chi bao gồm phần bồi thường vật chất (chi phí điều trị, mất thu nhập), loại trừ phần bồi thường tổn thất tinh thần.

Hoặc ban hành văn bản pháp luật hướng dẫn quy định về tiêu chí chung của QTS như: Có thể định giá được bằng tiền; có thể chuyển giao theo hợp đồng dân sự; không gắn trực tiếp với nhân thân.

Thứ hai, bổ sung quy định về thừa kế tài sản số, trong bối cảnh chuyển đổi số và sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế số, khái niệm “tài sản” không còn giới hạn ở vật chất hữu hình hay các QTS truyền thống, mà đã mở rộng sang tài sản kỹ thuật số như: Tiền điện tử (cryptocurrency); Tài khoản kỹ thuật số có giá trị tài chính (tài khoản Paypal, tài khoản giao dịch sàn tiền ảo); Dữ liệu điện tử chứa giá trị sử dụng hoặc giá trị thương mại (tệp thiết kế, mã nguồn, tác phẩm kỹ thuật số...). Do đó, có thể xem xét sửa đổi, bổ sung BLDS với tư cách là đạo luật dân sự gốc, quy định rõ “tài sản” bao gồm cả tài sản số/kỹ thuật số, tài sản mã hoá có thể định giá và chuyển giao, từ đó làm

³ Cooter, R. D. & Ulen, T., *Law and Economics*, Pearson Education, 2016.

⁴ Beaumont, P., & McEleavy, P., *The Hague Convention on Succession*, Oxford University Press, 2011.

cơ sở để công nhận chúng là di sản thừa kế. Ban hành nghị định/hướng dẫn riêng về tài sản số, trong đó: Phân loại tài sản số (tiền điện tử, tài khoản số, dữ liệu số có giá trị thương mại...); nguyên tắc định giá tài sản số khi chia thừa kế; trình tự, thủ tục chuyển giao tài sản số cho người thừa kế. Đồng thời, tham khảo kinh nghiệm của các nước đã có quy định về “digital inheritance” (thừa kế kỹ thuật số), ví dụ: EU công nhận tài sản số là một phần di sản; Mỹ có Đạo luật Uniform Fiduciary Access to Digital Assets Act (UFADAA) cho phép người thừa kế truy cập tài sản số⁵. Tuy nhiên, đối với loại tài sản này cần quan tâm bảo đảm quyền riêng tư và bảo mật thông tin, chỉ công nhận thừa kế đối với tài sản số có giá trị kinh tế, không xâm phạm dữ liệu cá nhân mang tính nhân thân (tin nhắn, nhật ký cá nhân...). Xây dựng cơ chế, hạ tầng kỹ thuật hỗ trợ, phối hợp tác với các ngân hàng, sàn giao dịch, nhà cung cấp dịch vụ để thiết lập thủ tục xác minh và chuyển giao QTS số cho người thừa kế hợp pháp; yêu cầu tổ chức lưu trữ tài sản số (như ví điện tử, sàn giao dịch...) có trách nhiệm phối hợp với người thừa kế trong việc xác nhận và bàn giao di sản theo quy định của pháp luật.

Thứ ba, hướng dẫn cụ thể hơn về thừa kế quyền SHTT. Luật SHTT hiện hành đã quy định một số QTS được thừa kế bao gồm: QTS đối với tác phẩm (bản quyền); Quyền sở hữu sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu; Quyền liên quan như quyền của nhà sản xuất, phát sóng, biểu diễn... Tuy nhiên, thực tiễn áp dụng pháp luật cho thấy còn thiếu các hướng dẫn chi tiết về thủ tục chuyển giao quyền SHTT trong trường hợp thừa kế, dẫn đến tình trạng chậm xác lập quyền hoặc tranh chấp giữa các đồng thừa kế. Do vậy, cần xây dựng quy trình đăng ký chuyển quyền SHTT do thừa kế tại Cục SHTT hoặc các cơ quan liên quan; làm rõ cơ chế chia tách QTS SHTT khi có nhiều người thừa kế (ví dụ đồng sở hữu nhãn hiệu, đồng tác giả...).

Thứ tư, cụ thể hóa việc thừa kế quyền phát sinh từ hợp đồng (ví dụ: Quyền đòi nợ từ hợp đồng vay, quyền hưởng lợi tức từ hợp đồng góp vốn, quyền mua cổ phần ưu đãi, quyền sử dụng đất đang thế chấp...) có thể được

thừa kế nếu đáp ứng điều kiện pháp luật. Tuy nhiên, pháp luật dân sự hiện hành chưa có hướng dẫn rõ ràng về cơ chế chuyển tiếp quyền và nghĩa vụ hợp đồng trong quan hệ thừa kế. Do vậy, pháp luật dân sự cần bổ sung quy định cho phép người thừa kế có thể tiếp tục thực hiện hợp đồng hoặc chấm dứt hợp đồng trong một số trường hợp đặc biệt.

Kết luận

Thừa kế QTS là một trong những nội dung then chốt của pháp luật dân sự, không chỉ thể hiện quyền tự do định đoạt của cá nhân đối với tài sản mà còn phản ánh sự bảo đảm của Nhà nước trong việc điều chỉnh quan hệ tài sản một cách ổn định và có trật tự. Đây cũng là công cụ quan trọng nhằm chuyển giao của cải trong xã hội từ thế hệ này sang thế hệ khác, góp phần duy trì sự liên tục của các giá trị vật chất và tinh thần trong đời sống cộng đồng.

Tuy nhiên, thực tiễn áp dụng cho thấy vẫn còn nhiều bất cập về mặt pháp lý, đặc biệt là trong việc xác định phạm vi QTS được thừa kế, cách thức chuyển giao và giải quyết tranh chấp phát sinh. Những vấn đề như tài sản số, quyền SHTT, quyền phát sinh từ hợp đồng... đang đặt ra thách thức mới cho hệ thống pháp luật dân sự Việt Nam. Việc thực thi quyền thừa kế QTS cần được đặt trong một khuôn khổ pháp lý rõ ràng, minh bạch và đồng bộ, có khả năng đáp ứng thực tiễn kinh tế - xã hội đang thay đổi nhanh chóng. Trong tương lai, hệ thống pháp luật Việt Nam cần tiếp tục hoàn thiện các quy định liên quan, việc này không chỉ góp phần bảo vệ quyền lợi chính đáng của các bên liên quan, mà còn tạo nền tảng cho một hệ thống pháp luật dân sự hiện đại, công bằng và phù hợp với định hướng phát triển bền vững của đất nước./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Luật Dân sự Việt Nam - Tập II*, Nxb. Công an Nhân dân, 2021;
2. Phùng Trung Tập, *Pháp luật Thừa kế ở Việt Nam - Nhận thức và Áp dụng*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, 2022;
3. Beaumont, P., & McEleavy, P., *The Hague Convention on Succession*, Oxford University Press, 2011;
4. Cooter, R. D., & Ulen, T., *Law and Economics*, Pearson Education, 2016;
5. Viện Luật châu Âu (ELI), *Thừa kế tài sản số, dữ liệu và các di sản kỹ thuật số khác*, <https://www.europeanlawinstitute.eu/projects-publications/current-projects/current-projects/eli-succession-of-digital-assets-data-and-other-digital-remains>, truy cập ngày 15/9/2025.

⁵ Viện Luật châu Âu (ELI), *Thừa kế tài sản số, dữ liệu và các di sản kỹ thuật số khác*, <https://www.europeanlawinstitute.eu/projects-publications/current-projects/current-projects/eli-succession-of-digital-assets-data-and-other-digital-remains>, truy cập ngày 15/9/2025.